

PUBLICATION TRENDS ON THE CONTRIBUTIONS OF EDUCATIONAL RESEARCH TO MANAGEMENT PRACTICES IN HIGHER EDUCATION INSTITUTIONS: A SCOPING REVIEW BASED ON THE SCOPUS DATABASE

Tran Thi Hong^{1*}, Hua Thi Toan², Nguyen Minh Tuan¹, Nguyen Thi Tra My¹

¹TNU - University of Sciences, ²TNU - University of Agriculture and Forestry

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	23/6/2025	Educational research plays a crucial role in providing both theoretical and practical foundations to enhance management effectiveness and promote the sustainable development of higher education institutions. With the aim of clarifying publication trends regarding the contributions of this field to management practices within higher education institutions, this study employs bibliometric analysis on 561 publications collected from the Scopus database. The findings indicate a significant increase in the number of publications since 2018, with a remarkable surge in 2024. Keyword analysis and examination of the most influential publications reveal that key themes include human resource development, academic leadership, and quality assurance. Meanwhile, governance model innovation and higher education reform are identified as potential directions for future research. Furthermore, bibliographic coupling analysis highlights clusters of journals with similar thematic content and interconnected research topics. This paper not only offers a comprehensive overview of the field's development but also identifies existing research gaps, thereby contributing to the orientation of future scholarly investigations.
Revised:	02/10/2025	
Published:	02/10/2025	
KEYWORDS		
Scopus database		
Bibliometric		
Educational research		
Higher education institution		
Management		

XU HƯỚNG CÔNG BỐ VỀ ĐÓNG GÓP CỦA NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC: MỘT NGHIÊN CỨU TỔNG QUAN TRÊN CƠ SỞ DỮ LIỆU SCOPUS

Trần Thị Hồng^{1*}, Hứa Thị Toàn², Nguyễn Minh Tuấn¹, Nguyễn Thị Trà My¹

¹Trường Đại học Khoa học - ĐH Thái Nguyên, ²Trường Đại học Nông Lâm - ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	23/6/2025	Giáo dục học đóng vai trò then chốt trong việc cung cấp nền tảng lý luận và thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, thúc đẩy sự phát triển bền vững của các cơ sở giáo dục đại học. Với mục tiêu làm rõ xu hướng công bố liên quan đến đóng góp của lĩnh vực này đối với công tác quản lý trong các cơ sở giáo dục đại học, bài báo áp dụng phương pháp phân tích trắc lượng thư mục trên 561 ấn phẩm thu thập từ cơ sở dữ liệu Scopus. Kết quả cho thấy, số lượng công bố tăng mạnh kể từ năm 2018, đặc biệt nổi bật trong năm 2024. Phân tích từ khóa và các ấn phẩm có ảnh hưởng nhất cho thấy các chủ đề nổi bật bao gồm: Phát triển nguồn nhân lực, lãnh đạo học thuật và đảm bảo chất lượng. Trong khi đó, đổi mới mô hình quản trị và cải cách hệ thống giáo dục đại học được xem là những hướng nghiên cứu tiềm năng. Bên cạnh đó, thông qua phân tích ghép nối thư mục, các nhóm tạp chí có nội dung tương đồng và hệ thống chủ đề liên kết cũng được làm rõ. Bài báo không chỉ cung cấp cái nhìn tổng quan về sự phát triển của lĩnh vực, mà còn làm nổi bật các khoảng trống học thuật, từ đó góp phần định hướng cho các nghiên cứu trong tương lai.
Ngày hoàn thiện:	02/10/2025	
Ngày đăng:	02/10/2025	
TỪ KHÓA		
Cơ sở dữ liệu Scopus		
Trắc lượng thư mục		
Nghiên cứu giáo dục		
Cơ sở giáo dục đại học		
Quản lý		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.13111>

* Corresponding author. Email: hongtt@tnus.edu.vn

1. Giới thiệu

Trong kỷ nguyên của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, nghiên cứu giáo dục (NCGD) đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra hệ thống giáo dục hiệu quả và vượt trội [1]. Đây chính là quá trình khám phá các vấn đề liên quan đến giảng dạy, học tập và quản lý giáo dục, nhằm tạo ra tri thức, cải thiện thực tiễn và đưa ra quyết định phù hợp [2]. Trên cơ sở phương pháp luận khoa học, NCGD không chỉ tạo ra những hiểu biết sâu sắc về thực tiễn dạy học mà còn góp phần quan trọng trong phát triển chương trình, xây dựng chính sách, phát triển nguồn nhân lực và đánh giá giáo dục [3].

Mặc dù vai trò của NCGD đã được thừa nhận rộng rãi, nhiều công trình vẫn bày tỏ lo ngại hoặc chỉ trích về sự thiếu hiệu quả trong việc kết nối giữa hoạt động học thuật và thực tiễn giáo dục [4]. Trong khi các tranh luận vẫn tiếp diễn, những đóng góp của NCGD đối với hoạt động quản lý tại các cơ sở giáo dục đại học (CSGDĐH) đang được nhìn nhận như minh chứng rõ rệt cho giá trị ứng dụng thực tiễn của lĩnh vực này, và thu hút sự quan tâm của nhiều học giả. Các nghiên cứu không những tập trung vào cung cấp cơ sở lý luận và bằng chứng thực tiễn cho hoạt động quản lý mà còn góp phần quan trọng trong công tác quản trị và sự phát triển bền vững của nhà trường. Về chiến lược và chính sách, Folabiti và cộng sự [5] đã làm rõ về vai trò và các rào cản cụ thể trong công tác quản lý, từ đó đưa ra các khuyến nghị cải tiến chính sách phù hợp với bối cảnh cụ thể của từng nhà trường. Đối với hoạt động quản lý cụ thể trong các CSGDĐH, nghiên cứu của Bergmann và cộng sự [6] đề xuất các biện pháp hỗ trợ khởi nghiệp nhằm cải thiện nhận thức của sinh viên về môi trường khởi nghiệp tại các trường đại học công lập. Phạm Thị Tuyết Nhung và cộng sự [7] đã phân tích hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ trong các chương trình đào tạo ở Việt Nam nhằm cung cấp cơ sở thực tiễn cho hoạt động quản lý chất lượng và hỗ trợ công tác quản trị tại các CSGDĐH. Các chính sách nhằm nhân rộng các mô hình học tập lấy người học làm trung tâm cũng được đề xuất [8]. Cùng với đó, các mô hình đánh giá hiệu quả của công tác quản trị đối với chất lượng giảng dạy và kết quả học tập cũng được quan tâm [9]. Ở mức độ rộng hơn, các NCGD đã vận dụng cơ sở lý luận về lý thuyết tân tự do hay chính sách công hiện đại để đề xuất các mô hình giáo dục đại học hiện đại, phù hợp với sự phát triển của xã hội [10].

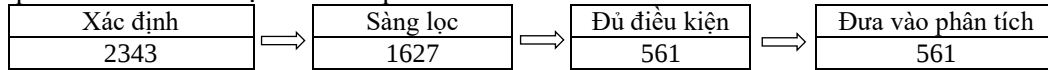
Những kết quả nghiên cứu trên đã cho thấy, NCGD ngày càng có những đóng góp quan trọng trong thực tiễn giáo dục, đặc biệt là đối với hoạt động quản lý trong các CSGDĐH. Do đó, việc xem xét và nhận diện các xu hướng nghiên cứu hiện có về chủ đề này là cần thiết để củng cố các hiểu biết hiện tại; cung cấp cái nhìn toàn diện về định hướng nghiên cứu cũng như hoạch định chính sách quản lý trong tương lai. Trên cơ sở đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích xu hướng tăng trưởng của các ấn phẩm, nguồn công bố, các ấn phẩm có ảnh hưởng nhất và chủ đề nghiên cứu tiềm năng liên quan đến đóng góp của NCGD đối với hoạt động quản lý trong các CSGDĐH, thông qua phân tích trắc lượng thư mục trên dữ liệu Scopus từ năm 1983 đến nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo sử dụng phương pháp phân tích trắc lượng thư mục để tìm kiếm, thu thập và phân tích thông tin về các ấn phẩm liên quan đến chủ đề nghiên cứu. Phương pháp này sử dụng nghiên cứu định lượng để mô tả, đánh giá nên đảm bảo được tính minh bạch, khách quan và khắt khe được những hạn chế chủ quan thường thấy ở các phương pháp định tính [11]. Dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu được thu thập từ Scopus, một trong những cơ sở dữ liệu lớn nhất cho khối ngành khoa học xã hội [12]. Việc sử dụng Scopus trong nghiên cứu này là phù hợp, vì nó được cho là giúp làm giảm các nguy cơ liên quan đến sai lệch và thiếu sót do giới hạn về phạm vi thu thập dữ liệu trong quá trình phân tích trắc lượng thư mục [13]. Quá trình sàng lọc dữ liệu được thực hiện theo sơ đồ PRISMA với 4 bước cụ thể như trong Hình 1.

Bước 1 (Xác định - Identification): Xác định từ khóa để tìm kiếm các ấn phẩm về chủ đề nghiên cứu. Từ thực tiễn hoạt động quản lý trong các CSGDĐH và nội dung đóng góp của các công bố trong tài liệu, bài báo xác định 3 nhóm từ khóa tìm kiếm bao gồm: (1) Nghiên cứu giáo dục (educational research); (2) hoạt động quản lý giáo dục đại học (university management,

higher education governance, institutional leadership); và các nội dung cụ thể trong hoạt động quản lý (strategy, policy, vision and mission, curriculum, quality assurance, faculty development, staff development, students, external relations, university collaboration, social responsibility). Kết quả tìm kiếm thu được 2343 ấn phẩm.



Hình 1. Các bước sàng lọc dữ liệu thông qua sơ đồ PRISMA

Bước 2 (Sàng lọc - Screening): Sàng lọc được thực hiện bằng cách giới hạn chủ đề tìm kiếm để đảm bảo thu thập được các ấn phẩm phù hợp với mục tiêu nghiên cứu. Câu lệnh tìm kiếm được giới hạn với loại tài liệu bao gồm các bài báo và báo cáo hội thảo viết bằng tiếng Anh. Điều này nhằm đảm bảo tính dễ tiếp cận và sự tin cậy của nguồn tài liệu. Kết quả thu được 1627 ấn phẩm thỏa mãn điều kiện trên sau khi thực hiện tìm kiếm trên Scopus ngày 10/05/2025.

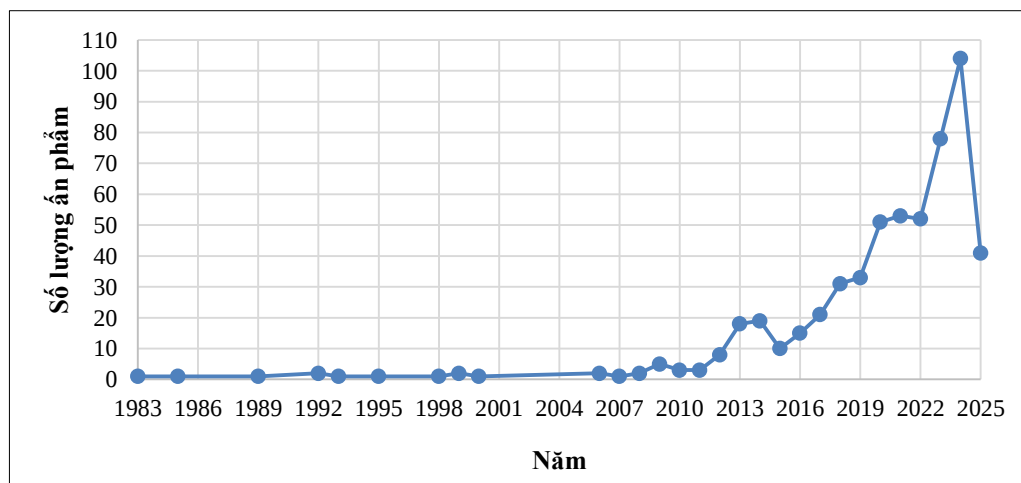
Bước 3 (Đủ điều kiện - Eligibility): Xem xét tiêu đề, tóm tắt để lựa chọn những ấn phẩm phù hợp đưa vào phân tích. Tiêu chí lựa chọn là các ấn phẩm có nội dung phân tích rõ đóng góp của NCGD trong việc xây dựng, hoạch định hoặc cải tiến các hoạt động quản lý trong các CSGDDH. Các ấn phẩm sẽ bị loại bỏ nếu chỉ nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của chính phủ hoặc các bên liên quan đối với giáo dục đại học; các bài viết lý luận thuần túy hoặc tổng quan tài liệu mà không đưa ra phân tích cụ thể về vai trò và đóng góp của NCGD; các bài viết nghiên cứu công tác quản lý trong các trường mầm non, phổ thông; các bài viết chỉ đưa ra khuyến nghị chung, không có mô hình, giải pháp hoặc định hướng triển khai cụ thể trong bối cảnh nhà trường. Sau bước này, 1066 ấn phẩm đã bị loại bỏ.

Bước 4 (Đưa vào phân tích - Included): 561 ấn phẩm được đưa vào phân tích. Dữ liệu được xuất từ Scopus và đưa vào phân tích thông qua ứng dụng Bibliometrix và VOSviewer. Ngoài ra phần mềm Microsoft Excel cũng được sử dụng trong quá trình tổng hợp dữ liệu và vẽ biểu đồ.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Thông tin về xu hướng tăng trưởng của các ấn phẩm

Theo thông tin từ bộ dữ liệu, từ năm 1983 đến nay, có 561 ấn phẩm đã công bố về chủ đề đóng góp của NCGD đối với hoạt động quản lý trong các CSGDDH. Thông tin về số lượng ấn phẩm theo từng năm được trình bày trong Hình 2.



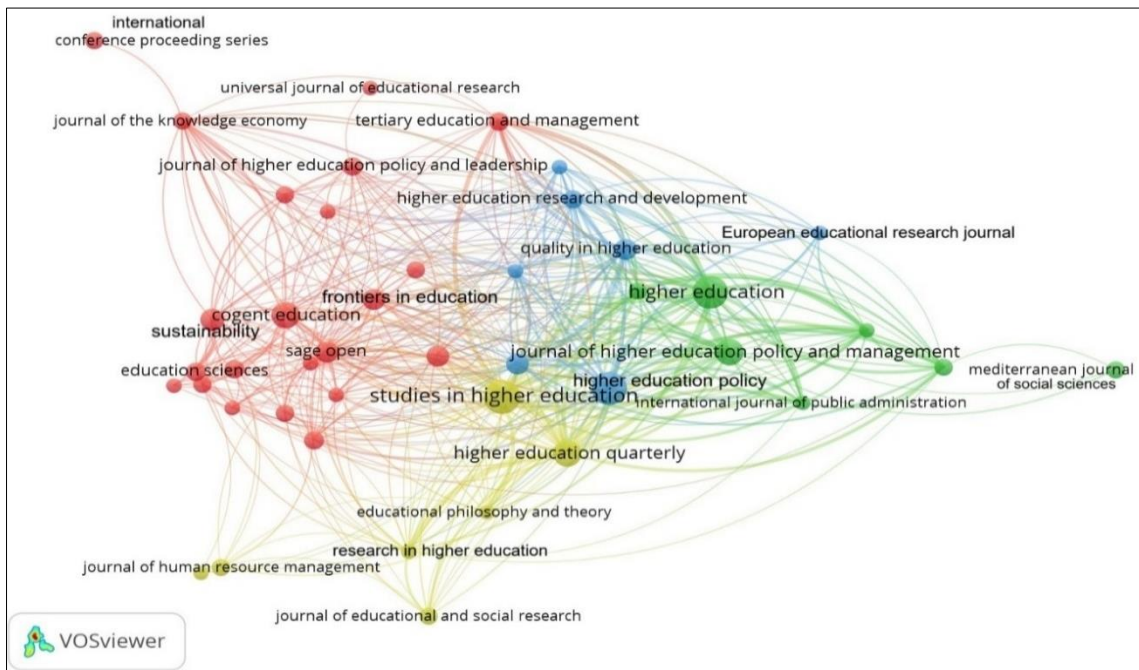
Hình 2. Số lượng ấn phẩm giai đoạn 1983-2025

Theo Hình 2, mặc dù các ấn phẩm về chủ đề nghiên cứu đã xuất hiện bắt đầu từ năm 1983, nhưng cho đến năm 2008, mỗi năm chỉ có tối đa 2 ấn phẩm được công bố. Sau giai đoạn này, số lượng ấn phẩm đã có sự gia tăng, trong đó sự phát triển mạnh mẽ được ghi nhận trong giai đoạn

từ năm 2018 đến nay. Năm 2024 đạt số lượng cao nhất với 104 ấn phẩm. Một trong những yếu tố thúc đẩy sự gia tăng này là do những tác động của đại dịch Covid 19 [14]. Bên cạnh đó, sự phát triển của công nghệ số và các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong giáo dục cũng dẫn đến những yêu cầu mới về công tác quản lý để phù hợp với sự thay đổi này [15].

3.2. Thông tin về các nguồn công bố

Để làm rõ về xu hướng công bố trên các tạp chí nhằm hỗ trợ các nhà nghiên cứu lựa chọn những tạp chí phù hợp với chủ đề nghiên cứu của mình, nhóm tác giả thực hiện phân tích ghép nối thư mục (Bibliographic coupling) đối với các nguồn khác nhau [16]. Phân tích này dựa trên nguồn tài liệu tham khảo trên các tạp chí, từ đó cho biết mối liên kết đồng trích dẫn hoặc nội dung giữa các tạp chí. Hình 3 thể hiện thông tin về 45 nguồn xuất hiện ít nhất 3 lần thông qua phân tích trên phần mềm VOSviewer. Mỗi nút trong hình đại diện cho 1 tạp chí, đường nối giữa các nút thể hiện mối quan hệ giữa các tạp chí có sử dụng các tài liệu tham khảo giống nhau. Màu sắc trong các cụm thể hiện nhóm các nguồn có chung chủ đề công bố.



Hình 3. Mạng lưới liên kết giữa các tạp chí công bố về chủ đề đóng góp của NCGD đối với hoạt động quản lý trong các CSGDDH

Theo sự phân bố màu sắc trong Hình 3, chúng tôi xác định 4 nhóm tạp chí có chung chủ đề nghiên cứu như sau:

Cụm màu đỏ được đại diện bởi các tạp chí: Cogent education, Sage open, Education sciences, Sustainability, Frontiers in education. Đây là các tạp chí mở, có phạm vi bao phủ rộng và có xu hướng nghiên cứu liên ngành. Chủ đề trên các tạp chí này tập trung vào các vấn đề liên quan tới công nghệ giáo dục, quản lý giáo dục, chính sách và phát triển bền vững.

Cụm màu vàng tập trung vào các tạp chí như: Journal of Human Resource Management, Studies in higher education, Higher education quarterly. Cụm màu này nổi bật với các nghiên cứu về chủ đề quản trị nguồn nhân lực, chính sách và quản trị trong giáo dục đại học.

Cụm màu xanh dương với đại diện là các tạp chí: Higher education policy, Quality in higher education, Higher education of research and development. Các tạp chí này tập trung vào các khía cạnh then chốt trong giáo dục đại học như: Hoạch định chính sách, đảm bảo chất lượng, và đổi mới giảng dạy.

Cụm màu xanh lá cây được đại diện bởi các tạp chí: Higher Education, Journal of Higher Education Policy and Management, Mediterranean Journal of Social Sciences. Đây là các tạp chí có chủ đề giao thoa giữa giáo dục đại học, quản lý công và khoa học xã hội với trọng tâm là mối liên hệ giữa chính sách, thực tiễn quản trị và bối cảnh xã hội.

Qua phân tích các cụm màu, có thể nhận thấy sự phong phú trong các hướng tiếp cận nghiên cứu về đóng góp của NCGD đối với quản lý giáo dục đại học. Đây là nguồn thông tin thiết thực giúp các nhà nghiên cứu xác định xu hướng, lựa chọn chủ đề tiềm năng cũng như tạp chí phù hợp cho công bố khoa học.

3.3. Thông tin về những ấn phẩm có ảnh hưởng nhất

Trong 561 ấn phẩm của bộ dữ liệu về chủ đề đóng góp của NCGD đối với hoạt động quản lý trong các CSGDDH, có 08 ấn phẩm nổi bật nhất được trình bày trong Bảng 1. Các ấn phẩm này có thời gian công bố từ năm 2012 đến năm 2018 và đều đạt trên 100 lượt trích dẫn.

Bảng 1. Top 8 tài liệu được trích dẫn nhiều nhất về chủ đề đóng góp của NCGD đối với hoạt động quản lý trong các CSGDDH

STT	Tác giả	DOI	Chủ đề	Số trích dẫn	Số trích dẫn/năm
1	McLean và cộng sự [17]	10.1080/01421590802109834	Phát triển đội ngũ giảng viên y khoa	268	14,89
2	Ter Bogt và Scapens [18]	10.1080/09638180.2012.668323	Hệ thống quản lý hiệu suất	225	16,07
3	Mudrak và cộng sự [9]	10.1007/s11162-017-9467-x	Môi trường học thuật và sức khỏe nghề nghiệp	174	21,75
4	Bergmann và cộng sự [6]	10.1016/j.respol.2018.01.018	Môi trường hỗ trợ tinh thần khởi nghiệp trong các CSGDDH	138	17,25
5	Parker [19]	10.1111/j.1468-0408.2012.00544.x	Thương mại hoá và tài chính hoá các trường đại học toàn cầu	130	9,29
6	Klemenčič [8]	10.1057/s41307-016-0034-4	Học tập lấy người học làm trung tâm	113	12,56
7	Blackmore [20]	10.1080/07294360.2013.864616	Sự rút lui của nữ giới trong vai trò lãnh đạo học thuật	105	8,75
8	Garde Sánchez và cộng sự [21]	10.1080/13504622.2012.749976	Trách nhiệm xã hội của các trường đại học	101	7,77

Kết quả tại Bảng 1 cho thấy, ấn phẩm của McLean và cộng sự [17] có số lượt trích dẫn cao nhất với 268 lượt. Ấn phẩm này đề cập đến hướng dẫn toàn diện về phát triển đội ngũ giảng viên y khoa, từ quá khứ, hiện tại đến tương lai, nhấn mạnh vai trò chiến lược của phát triển giảng viên trong giáo dục y khoa và chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Xếp thứ hai là nghiên cứu của Ter Bogt & Scapens [18] với 225 lượt trích dẫn. Nội dung của ấn phẩm mô tả sự chuyển đổi trong hệ thống quản lý hiệu suất tại các trường đại học, đặc biệt là từ các hệ thống đánh giá mang tính phát triển sang các hệ thống đánh giá mang tính định lượng và phân xét nhiều hơn. Vị trí thứ ba là nghiên cứu của Mudrak và cộng sự [9] với 174 lượt trích dẫn. Ấn phẩm sử dụng mô hình Job Demands-Resources để phân tích yếu tố “đòi hỏi công việc” (job demands) và “nguồn lực công việc” (job resources) tác động như thế nào đến các khía cạnh tích cực và tiêu cực của sức khỏe nghề nghiệp như sự hài lòng công việc, căng thẳng và sự gắn kết với công việc. Đây cũng là nghiên cứu có số trích dẫn/năm (TC/Y) cao nhất trong 8 ấn phẩm, với trung bình 21,75 lượt/năm. Ấn phẩm của Bergmann và cộng sự [6] tuy đứng thứ 4 về số lượt trích dẫn nhưng lại có chỉ số TC/Y cao thứ 2 với trung bình 17,25 lượt/năm. Ấn phẩm này góp phần làm rõ hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường hỗ trợ tinh thần khởi nghiệp trong các trường đại học; chỉ ra rằng để xây dựng môi trường khởi nghiệp tích cực cần có sự phối hợp giữa các biện pháp hỗ trợ cụ thể (như khóa học, cán bộ hỗ trợ, cuộc thi) và việc nâng cao chất lượng, danh tiếng cũng như quy mô quản lý hợp lý của trường đại học.

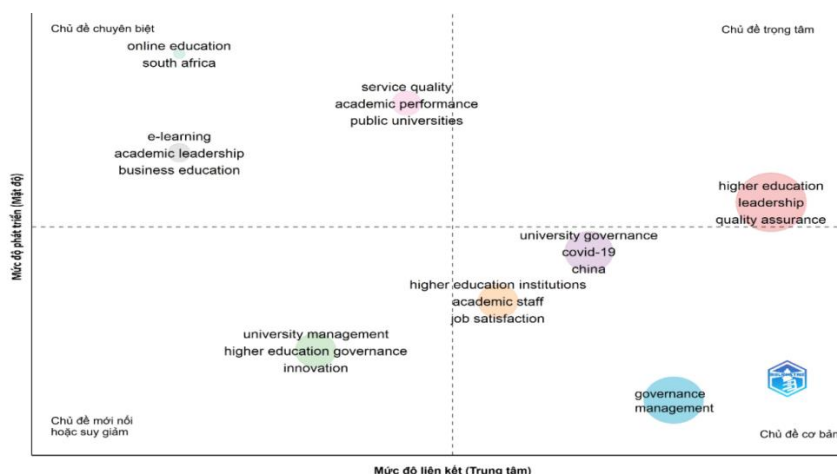
Bốn ấn phẩm còn lại đều có từ 101 đến 130 lượt trích dẫn và chỉ số TC/Y dao động từ 7,77 đến 12,56. Nội dung của 4 ấn phẩm này tập trung vào sự thay đổi cấu trúc và chức năng của giáo dục đại học trong bối cảnh toàn cầu hóa, thương mại hóa và áp lực tài chính gia tăng. Cụ thể là về tăng cường vai trò của người học trong học tập lấy người học làm trung tâm và phát triển năng lực học tập chủ động [8]; Đẩy mạnh trách nhiệm xã hội của các trường đại học thông qua quản trị minh bạch và phát triển bền vững [21]; Vấn đề bất bình đẳng giới trong lãnh đạo học thuật và những rào cản do các mô hình quản trị hiện tại gây ra [20]; Thương mại hóa đại học như một xu hướng toàn cầu, với nhiều hệ quả phức tạp về chất lượng và sứ mệnh xã hội của giáo dục đại học [19].

Thông tin về những ấn phẩm có lượt trích dẫn cao nhất cho thấy, các vấn đề được quan tâm trong các nghiên cứu về chủ đề đóng góp của NCGD đối với hoạt động quản lý trong các CSGDDH đề cập đến việc phát triển chiến lược đội ngũ giảng viên, cải cách hệ thống đánh giá hiệu suất, xây dựng môi trường làm việc lành mạnh và thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp. Chúng cũng phản ánh các xu thế và thách thức trong quản lý liên quan đến xu thế toàn cầu hóa, vấn đề bất bình đẳng giới và trách nhiệm xã hội. Các nghiên cứu đã cung cấp những bằng chứng thực tiễn và mô hình lý thuyết có giá trị, khẳng định vai trò của các NCGD trong quản trị, hoạch định chính sách và định hình chiến lược phát triển bền vững trong các CSGDDH.

3.4. Xu hướng nghiên cứu

Để xác định các chủ đề nghiên cứu tiềm năng trong tương lai về chủ đề đóng góp của NCGD đối với hoạt động quản lý trong các CSGDDH, phân tích bản đồ chuyên đề được thực hiện thông qua phần mềm Bioshiny. Hình 4 trình bày các từ khóa được sử dụng thường xuyên nhất.

Những chủ đề trọng tâm, có xu hướng phát triển mạnh được đại diện bởi các từ khóa: “higher education”, “leadership”, “quality assurance”. Điều này phản ánh tầm quan trọng của các nghiên cứu liên quan đến chủ đề lãnh đạo học thuật và đảm bảo chất lượng. Chủ đề này có sự kết nối cao với các hướng nghiên cứu khác và có tiềm năng phát triển tiếp trong tương lai. Tiếp theo là các chủ đề chuyên biệt, được đại diện bởi các từ khóa: “online education”, “south africa”, “e-learning”, “academic leadership”, “business education”, “service quality”, “academic performance”, “public universities”. Những chủ đề này có mức độ phát triển cao nhưng tương đối biệt lập với các chủ đề khác. Các nghiên cứu thể hiện mối quan tâm đến việc đổi mới phương pháp giảng dạy, vai trò của lãnh đạo học thuật, cũng như giáo dục kinh doanh trong các trường đại học công lập. Ngoài ra, nghiên cứu tại các khu vực cụ thể như South africa cho thấy xu hướng tiếp cận mang tính đặc thù địa phương. Những chủ đề này tuy được nghiên cứu tích cực nhưng phạm vi ảnh hưởng còn hẹp. Tuy nhiên, chúng có thể trở thành những hướng nghiên cứu tiềm năng nếu có sự kết nối với các chủ đề cốt lõi khác.



Hình 4. Bản đồ chuyên đề về chủ đề đóng góp của NCGD đối với hoạt động quản lý trong các CSGDDH

Các chủ đề cơ bản được đại diện bởi các từ khóa: “higher education institutions”, “academic staff”, “job satisfaction”, “university governance”, “covid-19”, “china”. Đây là những chủ đề có tính ảnh hưởng cao nhưng chưa được phát triển rộng rãi. Nội dung chủ yếu xoay quanh các vấn đề về quản trị đại học và quản lý đội ngũ giảng viên. Bên cạnh đó, từ khóa “covid 19”, “china” thể hiện mối quan tâm trong nghiên cứu về các tác động của đại dịch và nghiên cứu cụ thể trong từng quốc gia. Cuối cùng là vùng thể hiện những chủ đề mới nổi hoặc đang suy giảm. Các từ khóa “university management”, “higher education governance” và “innovation” thể hiện việc đổi mới mô hình quản trị và cải cách hệ thống giáo dục đại học. Tuy sự phát triển chưa mạnh nhưng đây là các chủ đề triển vọng và có thể phát triển thành hướng nghiên cứu chủ đạo trong bối cảnh của xã hội hiện đại.

Như vậy, các chủ đề trên đã cho thấy sự đa dạng và mối quan tâm của các nhà NCGD đối với công tác quản lý trong các CSGDDH. Từ các chủ đề rất được quan tâm như lãnh đạo học thuật, đảm bảo chất lượng đến các chủ đề mới nổi về đổi mới mô hình quản trị, cải cách giáo dục đại học. Điều này phản ánh quá trình dịch chuyển từ việc quản trị truyền thống sang các mô hình đổi mới nhằm thích ứng với bối cảnh của xã hội hiện đại. Kết quả nghiên cứu có sự tương đồng cao đối với thực tiễn tại Việt Nam hiện nay khi tự chủ, đổi mới quản trị và nâng cao năng lực đội ngũ là ưu tiên hàng đầu của các CSGDDH. Tuy nhiên, so với các nghiên cứu quốc tế, các nghiên cứu trong nước vẫn chủ yếu tập trung nhiều vào khía cạnh chính sách và mô tả hiện trạng, trong khi vấn đề về đảm bảo chất lượng hay đổi mới sáng tạo trong quản lý vẫn chưa được khai thác đầy đủ [7].

4. Kết luận

Thông qua việc phân tích dữ liệu trên ứng dụng Bibliometrix và VOSviewer, bài báo đã cung cấp các thông tin quan trọng về xu hướng công bố và các vấn đề được quan tâm trong các nghiên cứu về chủ đề đóng góp của NCGD đối với hoạt động quản lý trong các CSGDDH. Phân tích liên kết thư mục đối với các nguồn công bố đã đưa ra 4 nhóm chủ đề mà 4 nhóm tạp chí thường công bố. Thông tin từ nội dung các ấn phẩm có ảnh hưởng nhất và kết quả phân tích bản đồ chuyên đề cho thấy, chủ đề liên quan đến phát triển nguồn lực, lãnh đạo học thuật, đảm bảo chất lượng nhận được sự quan tâm rất lớn từ các nhà nghiên cứu. Trong khi đó, chủ đề tiềm năng trong tương lai có thể là những cải cách và đổi mới trong mô hình quản trị nhằm đáp ứng được sự thay đổi của xã hội. Với các kết quả đạt được, bài báo đã góp phần khẳng định thêm vai trò của NCGD trong việc hỗ trợ hoạch định chính sách, nâng cao chất lượng và cải tiến công tác quản lý tại các CSGDDH. Về mặt thực tiễn, bài báo cung cấp thông tin hữu ích giúp các nhà nghiên cứu nhận diện xu hướng và lựa chọn tạp chí phù hợp, đồng thời hỗ trợ các CSGDDH trong công tác hoạch định chính sách và phát triển nguồn lực phù hợp với bối cảnh mới.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo trong đề tài mã số B2025-TNA-20.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] H. H. Tran, D. L. V. Nguyen, D. T. B. Pham, and T. N. Tran, “Exploring educators’ perception regarding the field of educational research between 2025 and 2030,” *Multidiscip. Rev.*, vol. 7, no. 7, pp. 1–5, 2024, doi: 10.31893/multirev.2024146.
- [2] L. Cohen, L. Manion, and K. Morrison, *Research methods in education*. London: Routledge, 2002.
- [3] S. Iftimescu, G. Ion, C. Proteasa, R. Iucu, E. Marin, and M. Stingu, “Closing the circle: research and policymaking in education,” in *European higher education area: Challenges for a new decade*. Springer International Publishing, 2020, pp. 323–340, doi: 10.1007/978-3-030-56316-5.
- [4] I. Grosvenor and R. Rose, “Educational research, influence or irrelevance?,” in *Doing Research in Special Education*. Routledge, 2013, pp. 1–12, doi: 10.4324/9781315069173-7.
- [5] N. L. Folabit, S. Reddy, and L. C. Jita, “Academics’ perspectives on the nature and tradition of appointments of university leaders at a Cameroonian university,” *Int. J. Learn. Teach. Educ. Res.*, vol. 22, no. 11, pp. 285–302, 2023, doi: 10.26803/ijlter.22.11.15.

-
- [6] H. Bergmann, M. Geissler, C. Hundt, and B. Grave, "The climate for entrepreneurship at higher education institutions," *Res. Policy*, vol. 47, no. 4, pp. 700–716, May 2018, doi: 10.1016/j.respol.2018.01.018.
- [7] N. T. T. Pham, C. H. Nguyen, H. T. Pham, and H. T. T. Ta, "Internal quality assurance of academic programs: a case study in Vietnamese higher education," *SAGE Open*, vol. 12, no. 4, pp. 1–11, 2022, doi: 10.1177/21582440221144419.
- [8] M. Klemenčič, "From Student Engagement to Student Agency: Conceptual Considerations of European Policies on Student-Centered Learning in Higher Education," *High. Educ. Policy*, vol. 30, no. 1, pp. 69–85, Mar. 2017, doi: 10.1057/s41307-016-0034-4.
- [9] J. Mudrak *et al.*, "Occupational Well-being Among University Faculty: A Job Demands-Resources Model," *Res. High. Educ.*, vol. 59, no. 3, pp. 325–348, May 2018, doi: 10.1007/s11162-017-9467-x.
- [10] A. A. Alhazmi and R. A. Almashhour, "Fragmentation of organizational identity in Saudi Universities: the impact of neoliberalism," *Stud. High. Educ.*, vol. 49, no. 12, pp. 2311–2327, 2024, doi: 10.1080/03075079.2023.2299326.
- [11] I. Zupic and T. Čater, "Bibliometric methods in management and organization," *Organ. Res. Methods*, vol. 18, no. 3, pp. 429–472, 2015, doi: 10.1177/1094428114562629.
- [12] P. Hallinger and V.-T. Nguyen, "Mapping the landscape and structure of research on education for sustainable development: A bibliometric review," *Sustainability*, vol. 12, no. 5, pp. 1–16, 2020, doi: 10.3390/su12051947.
- [13] S. Pizzi, A. Caputo, A. Corvino, and A. Venturelli, "Management research and the UN sustainable development goals (SDGs): A bibliometric investigation and systematic review," *J. Clean. Prod.*, vol. 276, pp. 1–16, 2020, doi: 10.1016/j.jclepro.2020.124033.
- [14] E. Jafari, "The challenges and strategies in Iranian higher education: The post-COVID age," *Educ. Res. Policy Pract.*, vol. 23, no. 1, pp. 135–156, 2024, doi: 10.1007/s10671-023-09357-0.
- [15] V. Agarwal, P. Verma, and G. Ferrigno, "Education 5.0 challenges and sustainable development goals in emerging economies: A mixed-method approach," *Technol. Soc.*, vol. 81, pp. 1–52, 2025, doi: 10.1016/j.techsoc.2025.102814.
- [16] Y.-W. Chang, M.-H. Huang, and C.-W. Lin, "Evolution of research subjects in library and information science based on keyword, bibliographical coupling, and co-citation analyses," *Scientometrics*, vol. 105, pp. 2071–2087, 2015, doi: 10.1007/s11192-015-1762-8.
- [17] M. McLean, F. Cilliers, and J. M. V. Wyk, "Faculty development: Yesterday, today and tomorrow," *Med. Teach.*, vol. 30, no. 6, pp. 555–584, Jan. 2008, doi: 10.1080/01421590802109834.
- [18] H. J. T. Bogt and R. W. Scapens, "Performance Management in Universities: Effects of the Transition to More Quantitative Measurement Systems," *Eur. Account. Rev.*, vol. 21, no. 3, pp. 451–497, Apr. 2012, doi: 10.1080/09638180.2012.668323.
- [19] L. D. Parker, "From Privatised to Hybrid Corporatised Higher Education: A Global Financial Management Discourse," *Financ. Account. Manag.*, vol. 28, no. 3, pp. 247–268, Aug. 2012, doi: 10.1111/j.1468-0408.2012.00544.x.
- [20] J. Blackmore, "'Wasting talent'? Gender and the problematics of academic disenchantment and disengagement with leadership," *High. Educ. Res. Dev.*, vol. 33, no. 1, pp. 86–99, Jan. 2014, doi: 10.1080/07294360.2013.864616.
- [21] R. G. Sánchez, M. P. R. Bolívar, and A. M. López-Hernández, "Online disclosure of university social responsibility: A comparative study of public and private US universities," *Environ. Educ. Res.*, vol. 19, no. 6, pp. 709–746, Dec. 2013, doi: 10.1080/13504622.2012.749976.
-